

***Nam quốc sơn hà",
Bản hùng văn của danh tướng
Lý Thường Kiệt,***

Một bài Hịch thuộc thể thi "thi Hịch"
độc đáo nhất trong quân sử cổ kim.

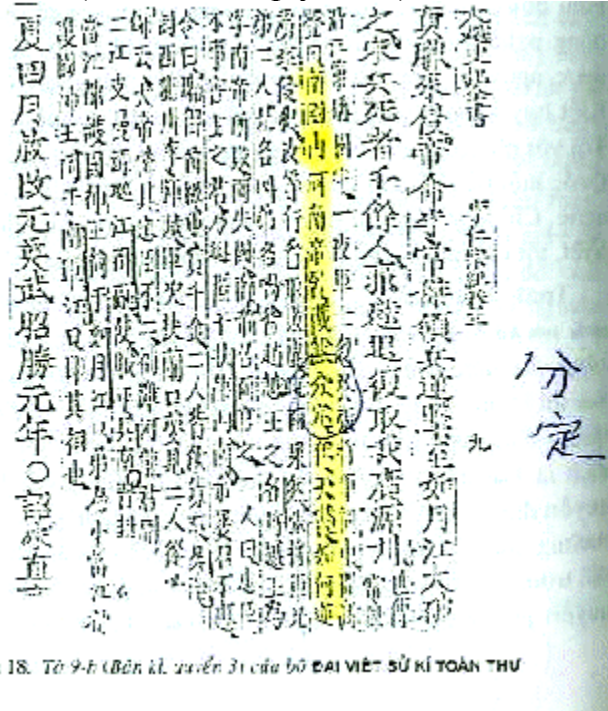
Nam quốc sơn hà là một bài thơ đã được dạy học tại các cấp lớp một hai tại Việt nam từ xưa tới nay, ngay cả thời Pháp thuộc lớp đàn anh chúng tôi cũng đã học bài này. Với bản phiên âm sai tại ngay câu thứ hai mà thể hệ tôi bao đời nay đều thuộc theo sách của cụ Dương Quảng Hàm. "Tiệt nhiên **định** phạt tại thiên thư" đã làm giảm cấp tình tự dân tộc Lạc Việt nhiều lắm!. Nay buộc phải gút lại cho đúng. Nhất là sách giáo khoa và các trang mạng. Phần lớn người Việt có cấp sách đến trường đều thuộc, có thể họ không hiểu hết ý vì có các từ cổ và khí phách người xưa nay không có sách vở nhắc lại, hoặc do vì trình độ của quý thầy cô, hoặc do vì không có nhiều tư liệu để tham khảo thêm. Do bài Nam quốc sơn hà quá nổi tiếng, số người ăn theo như những "tên đốt đèn" nhân vật hắc ám nổi tiếng trong văn học Roma. Họ bằng mọi cách tấn công vào danh tướng Lý thường Kiệt bằng cách này hay cách khác. Về bản văn thì sắp xếp cho nó là một bản "Tuyên ngôn độc lập đầu tiên" của nước ta, lấy cớ rằng ngay câu đầu "Nam quốc sơn hà Nam đế cư, " dịch là "Sông núi nước nam vua nam ở " thay vì phải dịch theo ngôn ngữ của thể hịch văn. Rồi dựa vào câu trong sách sử ĐVSKTT viết" người đời truyền rằng Thường Kiệt làm hàng rào theo dọc sông để cố thủ. Một đêm quân sĩ chợt nghe ở trong đền Trương tướng quân có tiếng đọc to rằng: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư Tiệt nhiên phân định tại thiên thư Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm? Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!". Vì câu này trong ĐVSKTT mà họ cho bài Nam quốc sơn hà là **bài thơ thần** chứ không phải của Lý thường Kiệt. Thế là cứ âm ỉ tấn công quyền tác giả. Tại Việt nam hai giáo sư tiến sĩ Hán nôm đại học là Đỗ Bình Trị và Bùi duy Tân ghi " Lý thường Kiệt" có dấu ? trong sách Văn học lớp 9, NxB Giáo dục H, 1995 khi giới thiệu bài Nam quốc sơn hà. Bùi duy Tân lấy làm đắc ý vì thắng lợi!(12). Nay laiquangnam xin viết lại, chuyện đúng sai mong Bạn đọc tự cho điểm và tự nhận xét. Vấn đề là không phải để hơn thua, mà là bài " Nam quốc sơn hà" nay cần phải giải quyết gấp những tồn tại một cách dứt điểm, để mỗi khi "ai đó" cần giới thiệu với người nước ngoài thì người giới

thiệu không hề bối rối và cùng vui với tiền nhân. Rất mong mọi ý kiến phản hồi để chúng ta sang trang việc tranh luận này và đi tìm một bản dịch khả dĩ có thể chấp nhận được bởi trong gần một thế kỷ nay vẫn chưa có bản dịch nào khiến chúng ta tạm hài lòng. **Tam ngu thành hiền!** laiquangnam viết được, có ý kiến được, thì các bạn của tôi còn làm giỏi hơn tốt hơn tôi 1000 lần. Mong lắm thay!

Laiquangnam

Phần 01 Dẫn nhập

Tại tờ 9-b (bản kỉ, quyển 3) của bộ Đại việt sử ký toàn thư



Hình 18. Tờ 9-b (Bản kỉ, quyển 3) của bộ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ
214

Cho thấy thứ tự trước sau của hai chữ ([分定] phân định). Trang chụp này do giáo sư sử gia Nguyễn khắc Thuần công bố vào năm 2004. laiquangnam chép lại và chú lại. (13)

Toàn văn nguyên tác của bài thơ hịch này như sau

Nguyên tác

南國山河，
南國山河南帝居

截然分定在天書
如何逆虜來侵犯
汝等行看取敗虛
李常杰

Phiên âm

Nam quốc sơn hà

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên **phân định** tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Lý Thường Kiệt

-o0o0o-

II -Hịch văn là gì ?

1-Hịch là gì ?

1-Hịch : Là thể loại văn thư đầu tiên trong phép dụng binh thời cổ đại, nó xuất hiện trong buổi lễ "thệ sư ". Lễ "thệ sư " là ngày bắt đầu làm lễ xuất binh. Sách Thuyết văn giải tự viết ", Hịch có khi còn gọi là Vũ hịch, vũ là lông chim, có nghĩa là lúc gấp thì cắm lông chim để truyền quân lệnh, hàm ý là quân lệnh được truyền nhanh như chim bay". Những bài hịch lừng danh trong văn học Tàu là ba bài Dụ Ba Thục Hịch của Tư Mã Tương Như, Vị Viên Thiệu hịch Tượng châu của Trần Lâm, và Vị Từ Kính nghiệp thảo Võ Chiếu hịch của Tân lạc vương (2)

2-Tính chất và ngôn từ của hịch văn

Ngày nay các người nghiên cứu về văn học cổ của Trung quốc đều phải tham chiếu tác phẩm *Văn tâm điều long của Lưu hiệp* (465-532) viết cách nay đã trên dưới 1500 năm. Ông đã dành tới 30 năm để viết. Văn tâm điều long được đánh giá rất cao "là tác phẩm chứa đủ tinh hoa của muôn đời" (Tôn Mai - "Tứ lục tùng thoại"), là "kho báu ở chốn văn tuyền... Phạm kẻ sỹ

muốn trau chuốt văn chương... chưa ai có thể xa rời mà đi tìm lối dẫn dắt khác để đến đích được" (Thúc Lâm). (4)

Thông lệ này được tác giả **Nguyễn Phạm Hùng** khi viết chuyên luận Văn học lý trần (sđd (6) đã cô đúc ý kiến của Lưu Hiệp về thể hịch của Trung quốc như sau

Hịch là loại văn "Tín thực quốc gia", nhưng nhằm mục đích kể tội, trách mắng lẫn nhau, ngôn từ khoa trương, điêu trá, bịa đặt, có một hệ thống sắp xếp ngôn ngữ có phần bạo liệt, quyết đoán. Và Đàm Gia kiện, trong tác phẩm Lịch sử văn hóa Trung quốc đã kết luận Thể văn hịch luôn dùng biện thể không dùng văn vần. (sđd 4)

Lưu Hiệp đưa ra sáu tiêu chí (lục quán) để xem xét tác phẩm. Ông viết: "Muốn xem xét tình cảm và tư tưởng trong văn chương, thì trước hết phải theo sáu mặt để mà quan sát sau : *Một là "Vị thể"* (chỉ nội dung, tư tưởng của tác phẩm); *hai là "Trí từ"* (dùng từ đặt câu); *ba là "Thông biến"* (tính khoa học và sáng tạo của nội dung và hình thức); *bốn là "Kỳ chính"* (bố cục và hành văn có theo quy cách không); *năm là "Sự nghĩa"* (điển cố và dẫn chứng có thỏa đáng không); và *sáu là "Cung thương"* (âm điệu có hài hòa không). (sđd 4)

Dựa trên những điều trên, ta có thể nhận ra ngay bài Nam quốc sơn hà là một bài thơ Hịch độc đáo và hoàn hảo bởi bố cục và ngôn ngữ xử dụng có các từ *từ mắng mỏ kẻ địch " như hà, nghịch lỗ, Nhữ đẳng "*, Dựa trên những dẫn chứng văn học trên, ta có thể nói rằng Nam quốc sơn hà là một bản văn hịchThơ rất độc đáo của người Việt. Nó có những ngôn ngữ và bố cục như thể văn hịch Trung quốc thường thể hiện, nhưng khác chẳng là nó ngắn gọn, dễ thuộc, và không cần phải "khoa ngôn, lộng ngữ" như trong hịch Tàu bởi người trong cuộc đã từng kinh qua chiến trận với kẻ thù và họ đã từng thắng lợi. Lời thơ Hịch của Lý tướng quân đã được bảo đảm bằng vàng.

III-Ai là tác giả thật sự

Xin đọc một bản hịch khác, bài hịch "Phật Tống lộ bố văn", do Lý tướng quân cho truyền bá trên đất địch vào năm 1075, , trong đó có đoạn :

"Trời sinh ra dân chúng, vua hiền tất hòa mục. Đạo làm chủ dân, cốt ở nuôi dân. Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh, lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ địch" khiến trăm học một nhọc lầm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi

*trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên **cố nhiên phải xét**.*

*Nhưng việc từ trước thôi không nói gì. Nay bản chức vâng mệnh quốc vương, chỉ đường tiến quân lên Bắc, **muốn dẹp yên làn sóng yêu nghiệt**, chỉ có ý **phân biệt quốc thể**, không phân biệt chủng dân. Phải quét sạch **nhờ bản hôi tanh** để đến thưở ca ngày Nghiêu, hưởng tháng Thuần thanh bình.*

*Ta nay ra quân, cốt để cứu dân khỏi nơi chìm đắm. Hịch văn truyền tới, để mọi người cùng nghe. Ai nấy hãy tự đắn đo, chớ có mang lòng sợ hãi." (5).
Bản dịch của Trần Văn Giáp.*

Chỉ có khẩu khí của một danh tướng, như Lý thường Kiệt mới nói ra được câu "*Nay nghe vua Tống ngu hèn*", Hẳn là vua tôi nhà Đại Tống cùng cảm thấy bức tức và nhục. Giọng hịch đều như vậy cả.

Theo thông lệ xưa nay, người tư lệnh chiến trường được **hưởng quyền tác giả** qua những bản nhật lệnh hay những bài diễn văn hùng hồn trước binh sĩ mình, kể cả những chiến thắng qua từng trận đánh cho dù người trực tiếp tham gia là binh sĩ thuộc cấp dưới quyền. Họ chịu trách nhiệm về mọi diễn tiến xấu và tốt xảy ra trên chiến trường. Ngày ấy Lý thường Kiệt chịu trách nhiệm tất cả các hành vi tiến hành chiến tranh với Tống triều.

Không ai có quyền cướp bản quyền nay đã ghi đậm nét dấu ấn của Lý tướng quân qua bài thơ hịch Nam quốc sơn hà lừng danh trong quân sử, trừ khi ai đó tìm được văn bản thật sự được viết vào thời điểm 1076 có tên tuổi tác giả đầy đủ. Mọi ý kiến ngược lại khi nêu câu hỏi, thay vì nói " *có ai chứng minh được Lý thường Kiệt là tác giả đâu ?* " để gạt Lý thường Kiệt sang bên thì tại sao họ không đặt câu hỏi " *Có ai tìm được văn bản gốc của một tác giả cụ thể nào để bác quyền tác giả của Lý tướng quân theo thông lệ đâu mà nghi ngờ Lý thường Kiệt không phải là tác giả ?*". Những kẻ có chút học thức bậy bạ thường có tư tưởng ám đầu, thường mang tư tưởng của những "kẻ đốt đèn" mong tìm chút danh khi phả nọc vào lịch sử dân tộc ta. Đốt đèn lịch sử dân tộc là một tội ác ! Tại sao dựa vào câu viết của sử gia vào thế kỷ thư 13 khi mà ngày ấy quyền tác giả không được mấy quan tâm, khi mà nhà sử học luôn luôn nghĩ rằng *những gì thuộc về chính thống, có chính nghĩa luôn luôn có thần nhân ủng hộ và độ trì*. Trong sử ngày ấy, tiên nhân ta còn mô tả có hiện tượng rồng bay trên kinh thành Thăng Long. Bạn có tin thơ thần là do thần sáng tác?. Họ đã hiểu sai hai chữ thơ thần. Xin xem đoạn lịch sử đánh Tống tiếp theo bên dưới

Bài thơ tứ tuyệt với 28 chữ bên trên chỉ được dịch sang quốc văn với một bản dịch tốt nhất cho thế hệ mai sau một khi mà lớp chúng ta cùng xác nhận văn thể của nó một cách rõ ràng. Một khi đã coi nó là một "bài thơ" thất ngôn tứ tuyệt như thông lệ thì bản dịch phải có chất thơ đó là đòi hỏi của một lớp người thương ngoạn "!" nào đó.

Một khi nó đã là bản văn "tuyên ngôn độc lập" thì nó phải có thư ngôn ngữ hàm súc thể hiện bản sắc văn hóa đầy bao dung của dân tộc Việt. Nó không phải là một bản văn tuyên ngôn độc lập bởi nước ta đã dành độc lập từ thời Ngô vương Quyền, 938 tính đến 1076 đã có trên dưới 150 năm liên tục sống trong cảnh thái bình.

Một khi nó đã là một bài thơ Hịch cô đọng thì nó tất phải có ngôn ngữ đầy tự tin lẫn khí phách đấu tranh sinh tồn lẫn lời mạt sát, hạ nhục kẻ thù, *bản Nam quốc sơn hà có đầy đủ thứ ngôn ngữ này.*

*Và việc tôi cần thiết trước khi dịch là ta phải xác quyết tác giả của nó thật sự là ai. Người khí phách ngang tàng thì có ngôn ngữ " ngang tàng ", lời nói đi đôi với việc làm đó là tính nhất quán rất độc đáo của sĩ phu đời Lý Trần. Họ rất quyết liệt trong hành xử nên trong văn luôn có cả máu và lửa ! có cả thơ lẫn nụ cười bởi họ xem kẻ thù là kẻ dưới tay, vấn đề là thời gian " để xuống tay!. Chỉ có Lý tướng quân mới có ngôn ngữ kẻ cả như vậy. Năm 1075 thì ".... **Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh... (thiên thư, sách trời), lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ địch" (nhữ đảng, thứ ngữ mày! nghịch lỗ, bọn tù binh mọi rợ) khiến trăm học mệch nhọc lâm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên cố nhiên phải xét (hành khan, thấy ngay trước mắt, **thủ bại hư**, cảm chắc lấy thất bại hoàn toàn)***

Nay vấn đề nêu trên đã được giải quyết một cách rõ ràng. laiquangnam tin rằng sẽ có những bản dịch khác của lớp sau sẽ được giới thiệu bằng thứ ngôn ngữ đặc trưng của dòng thơ Hịch rất độc đáo của người Việt, mang màu sắc riêng của dân tộc ta, với thứ ngôn ngữ ngày nay tương hợp hơn với lớp trẻ hơn. Hy vọng những bản dịch đầy sức sống như thế, và sẽ được chuyển sang Anh ngữ do thế hệ 1, 5 hay 2. 0 thể hiện. Một bản dịch ra thơ quốc âm có hồn sẽ song hành cùng bản dịch Anh ngữ đang rất cần thiết trong lúc này để giới thiệu khí phách của tiền nhân ta, và đất nước ta, lịch sử ta đã có một thời như thế. Tàu là Tàu, Việt là Việt. Cả trong hành xử lẫn trong ngôn ngữ văn chương. Đó là một tài sản vô giá để lớp thế hệ người Việt trẻ vào đời

cùng với bè bạn năm châu với hành trang văn hóa dân tộc đầy sung mãn trong thế kỷ 21, khi bọn chúng đứng lên thuyết trình nói về bản sắc dân tộc Việt.

Mỗi tác gia sáng tác đều có bản sắc riêng và có một khẩu khí đặc trưng rất khác người. Mỗi thể văn chuyển tải ý người xưa ắt phải có một thứ giọng ngôn ngữ phù hợp với văn thể ấy; chỉ có thế thì lời văn của người xưa sẽ xông thẳng vào tâm hồn người đọc, bài Nam quốc sơn hà sẽ lưu truyền mãi trong hồn dân tộc Việt, nó tan vào tâm hồn người Việt đang sống tại khắp nơi trên trái đất này, Nó khiến cho họ sống lại những phút giây hào hùng của tiền nhân. Xin Bạn đọc cố gắng thuộc nguyên tác và hiểu rõ các từ nho đã cổ. Cần học thuộc nguyên tác để còn có lúc cao hứng ngời dịch lại và giảng cho cháu con mình nghe. Rằng ông bà ta ngày xưa khí phách như thế đó !

Bối cảnh ra đời của bài thơ Nam quốc sơn hà

Đoạn văn dưới đây nay laiquangnam xin viết gọn lại phần có liên quan đã được chính sử ghi lại

*"Từ nhà Đinh, nhà Lê trở đi, tuy Tàu không sang cai-trị nước ta nữa, nhưng vẫn cứ lăm-le có ý muốn xâm-lược. Đến khi vua Thần-tông nhà Tống (1068-1078) có quan Tể-tướng là Vương an Thạch đặt ra phép mới để cải-tổ việc chính-trị nước Tàu. Nguyên nhà Tống bấy giờ bị nước Bắc-liêu và nước Tây-hạ ức hiếp, hằng năm phải đem vàng bạc và lụa vải sang cống hai nước ấy. Mà trong nước thì không có đủ tiền để chi dụng. Vua Thần-tông mới dùng ông Vương an Thạch làm Tể-tướng để sửa-sang mọi việc, (sđd 1). Khi Tân pháp của Vương An Thạch đem ra thi-hành ra thì dân nước Tàu đều lấy làm oán-giận, vì là trái với chế-độ và phong-tục cũ. Vương an Thạch lại có ý muốn lập công ở ngoài biên, để tỏ cái công-hiệu việc cải-tổ của mình. Bấy giờ ở Ung-châu có quan tri-châu là Tiêu Chú biết ý Vương an Thạch, mới làm sớ tâu về rằng: **nếu không đánh lấy đất Giao- châu thì về sau thành một điều lo cho nước Tàu.** Vua nhà Tống nghe theo, lại thêm Thảm Khởi tâu bày mọi lẽ nên đánh Giao-châu. Vua nhà Tống thuận. Thảm Khởi ra thu-xếp mọi việc theo ý Vương an Thạch, Sau Tống-triều thay Thảm Khởi cho Lưu Gi ra thay. Lưu Gi sai người đi biên các khe ngòi, các đồn-lũy, sửa binh-khí, làm thuyền-bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đấy đi lại buôn bán với người Giao-châu.*

Bên Lý-triều ta thấy sự tình như thế mới viết thư sang hỏi Tống-triều, thì Lưu Gi lại giữ lại không đệ về kinh. Suy việc cũ năm 1067 vua Tống phong

vương cho vua Lý, tước hiệu là Nam bình Vương, vậy mà tại sao năm 1073 lại phong cho vua Lý là Giao chỉ quận vương, hàm ý gì vậy ?. Cõi nước ta là thuộc quốc chăng ?. Việc đã rõ, Lý thường Kiệt tức giận. Vậy là nhà Tống đã xách mé và có ý đồ khi hạ thấp và xem thường vua Lý. Giao Chỉ Quận Vương, nghĩa là coi vua nước ta là vương của một quận thuộc địa như thời lệ thuộc Trung quốc xa xưa. Giao chỉ là quận nhỏ tại đất Giao Châu. Lý thường Kiệt trước đó đã gạt Lý đạo Thành sang bên, cho vào trấn thủ Nghệ An, lên thay quyền tướng quốc, tự tay lo việc nước. Lý thường Kiệt là người rất quyết đoán trong hành xử và điều hành quốc gia. Ông tinh ý và chuẩn bị các bước tiến hành chiến tranh với Tống. Lý tướng quân chuyển giao lại vai trò tướng quốc cho Lý đạo Thành còn mình thì đích thân huấn luyện binh đội và xin cầm quân sang đánh Tống. Vua thuận, phong Lý thường Kiệt làm tướng chinh phạt có phó tướng là Tôn Đản phụ trợ. Họ chỉ huy 10 vạn tinh binh chia ra làm 2 đạo. Thủy binh do Lý tướng quân chỉ huy, bộ binh do phó tướng Tôn Đản chỉ huy cùng tiến sang đánh nhà Tống. Lý Thường Kiệt đánh chiếm nhanh gọn các châu Khâm, Liêm; Tôn Đản chỉ huy quân bộ hạ thành châu Ứng khó khăn. Vua Tống lệnh cho Đô giám Quảng Tây nhà Tống là **Trương Thủ Tiết** đem quân đến cứu. Thường Kiệt đón đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) chém **Trương Thủ Tiết** tại trận. Biết đạo quân cứu viện đã bị đánh tan tành, tuyệt vọng Đô Giám Ung châu tử tiết cùng gia đình. Hạ xong thành, Lý Thường Kiệt thu quân về, bắt sống người ba châu ấy đem theo về để làm con tin về sau nếu Tống phục hận". Quả nhiên Tống động binh đánh trả thù. (sđd, 1& 8)

Năm 1076, (tức đời Tống Hy Ninh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 3, nhà Tống sai Quách Quỳ, tuyên phủ sứ Quảng Nam (Quảng Nam này là địa danh, là đất của Tàu trùng tên với tỉnh Quảng Nam của Việt nam có sau năm 1475 là đất của Chiêm thành) làm Chiêu Thảo sứ, Triệu Tiết làm phó, đem quân 9 tướng, hợp với Chiêm Thành và Chân Lạp sang xâm lấn nước ta. Ba mặt giáp công. Trong lần đánh phục hận này, Quách Quỳ nhận sứ mệnh phải đánh "chết bỏ" hầu rửa nhục cho Đại Tống. , Quách Quỳ vào trận với sự ủy thác "đánh phải thắng bằng mọi giá", "đánh phục thù", "đánh vuốt mặt" cho Tống Triệu và "đánh làm quà cho tể tướng Vương an Thạch", chứng minh đường lối cải cách theo Tân pháp của tể tướng Vương an Thạch đã thành công, "đánh tan giao châu của Đại Việt" nhằm thị uy với các nước phương bắc láng giềng của Tống. Thế nên khí thế tấn công của quân Tống rất mạnh. Không bao lâu sau họ đã đến bờ bắc của sông Như Nguyệt, cách kinh thành Thăng Long chừng vài chục dặm, khoảng chừng 60 km về phía bắc. Quân ta vất vả giữ vững trận địa. Quân Tống dùng súng bắn đá bắn xối xả vào bờ nam làm thuyền bè ta bị vỡ nát không ít. Hai hoàng tử đã hy sinh và vài

tướng cũng bị tử thương. Thương vọng cao. Lý tướng quân đã dùng diệu kế là cho đọc bản thơ Hịch lời thơ ngắn gọn, thời điểm công bố là trong một đêm trăng dưới làn mưa đá xối xả được bắn ra từ bên kia bờ bắc của sông Như Nguyệt, từ quân của viên tướng sùng sỏ Quách Quỳ. Khí thế địch thật hùng hổ. Tại chiến trường sôi động ấy Lý tướng quân thấy rằng bài hịch không thể viết dài, khó nhớ, không thể đọc trước hàng quân như thông lệ năm xưa qua đánh Tống (sdd5) mà phải khéo chọn, Ông kỹ lưỡng chọn điểm phát ngôn là từ một ngôi miếu vốn nổi tiếng linh thiêng, "đền thờ thần sông " nằm ở phía nam sông Như Nguyệt, đền thờ hai vị anh hùng Trương Hát & Trương Hồng, vốn là hai võ tướng dưới thời Triệu Quang Phục. Thật là một diệu kế của một danh tướng. Trong thế trận tướng đã nghiêng về phía quân Tống, bỗng đảo chiều khi binh sĩ nghe bài thơ phát ra từ miếu thần, viết " Một đêm quân sĩ chợt nghe ở trong đền của Trương tướng quân là thần sông Như nguyệt, có tiếng đọc to rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiết nhiên phân định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!

(sdd1), TTK đã sơ ý dẫn sai thứ tự tại câu 2

Khí thế quân Nam trở nên bừng bừng như có thần nhân hỗ trợ và quân Tống lập tức bị chặn lại. Tống quân bị tổn thất nặng nề. Quân Tống tiến thoái lưỡng nan từ đạo ấy. Lý tướng quân đề nghị giảng hòa nhằm giảm sự khổ đau cho nhân dân. Quách Quỳ thấy kéo dài là thua chắc nên thuận lui binh. Khi đọc sử xưa tỉ như ĐVSKTT ta chỉ thấy các sử gia kể chuyện từng ngày, ghi sự kiện, mà không triển khai những nguyên nhân sâu xa dẫn đến chiến thắng ấy. Với họ chính bài thơ làm khí thế quân Nam tăng lên như một phép thần mà không hề phân tích tại sao nó là bài "thơ thần", bởi theo họ chỉ có thần nhân mới tài tình tạo ra bài thơ như thế, đổi nguy thành an trong thoáng chốc.

Nay ta thử phân tích Nam quốc sơn hà là bài thơ thần vì lẽ nào ?

Phần 02

Tại sao Nam quốc sơn hà là bài thơ thần, thơ thần là bài thơ như có sức mạnh Siêu nhiên đổi cả một cục diện trận đánh. Như đã chứng minh bên

trên, đây là bài thơ hịch theo phong cách riêng của người Việt nam , và tác giả không ai khác hơn là Lý thường Kiệt.

Nguyên tác

南國山河，
南國山河南帝居
截然分定在天書
如何逆虜來侵犯
汝等行看取敗虛
李常杰

Phiên âm

Nam quốc sơn hà

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên **phân định** tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Lý Thường Kiệt

Chú vại từ và tạm dịch nghĩa

bài Nam quốc sơn hà cần chú và dịch theo phong cách và ngôn ngữ đã quy định cho thể thơ hịch này

Câu 1 nêu công lý muôn đời

南國山河南帝居

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Đó là câu công lý bởi năm 1054 vua Lý Thánh Tông đã đặt tên nước ta là Đại Việt, tính đến năm 1076 đã được 22 năm.

Sau khi Lý thường Kiệt mất, câu

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Thành câu kinh nhật tụng trong suốt dòng lịch sử dân tộc ta, ,

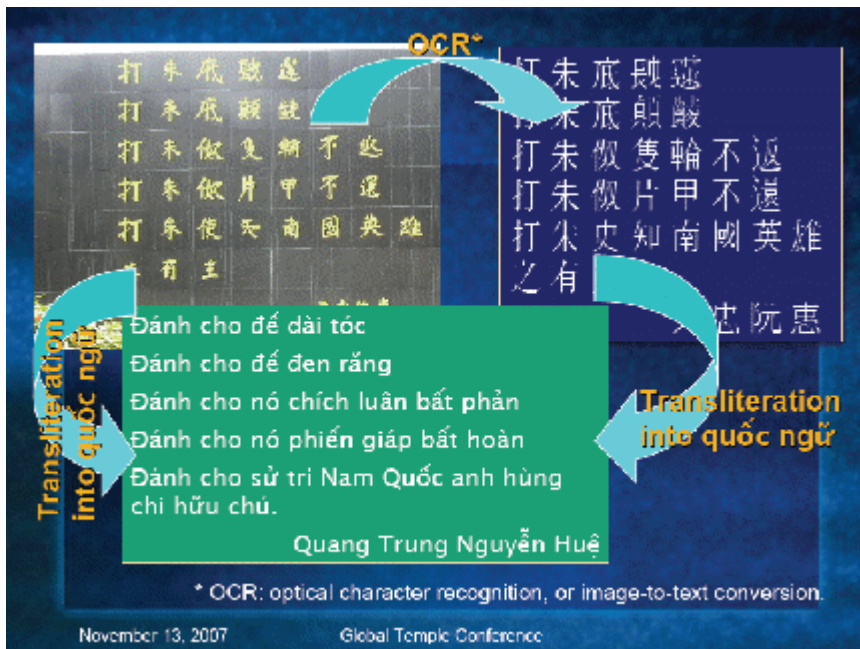
Chính vì tính cách Việt khác tính cách Tàu kể cả trong văn chương và ngôn ngữ trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Sau khi Lê Lợi đánh thắng nhà Đại Minh, sao Khuê Nguyễn Trãi trong "Bình Ngô đại cáo": đã lặp lại ý thơ Hịch năm xưa của danh tướng Lý Thường Kiệt ông viết :

*"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo,
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.. "*

c) Cuối thế kỷ thứ 18, vua Quang Trung

*Đánh cho dài tóc,
Đánh để đen răng,
Đánh cho chích luân bất phản!
Đánh cho phiến giáp bất hoàn!
Đánh cho sử tri Nam Quốc Anh hùng chi hữu chủ!*

Hoàng đế Quang Trung



Link, đây là bản chữ nôm của hoàng đế Quang Trung viết bằng chữ nôm nay được giáo sư Ngô thanh Nhân dịch sang quốc ngữ link

<http://www.viethoc.org/phorum/read.php?10,38005,38005,quote=1>

Câu 2

截然 分定在天書

Tiệt nhiên phân định tại thiên thư

a)- Tiệt nhiên, [截然.] phân biệt rõ ràng đâu ra đấy không dính dáng gì với nhau nữa. Tiệt là cắt lìa ra, nhiên là vốn dĩ là như thế.

b)- *Phân định*, [分定] sau một ngàn năm dành giết và trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm xưa, Ngô vương Quyền đã cho nhà Nam Hán biết thế nào là vàng là đá tính đến thời Lý tướng quân đã trên dưới 150 năm rồi.

Việc phân định [分定] nay coi như đã ổn.

c)- "Thiên thư", Sách Trời (Trời là đấng, là người lập nên thế gian này), nhất là người Tàu vốn đã tôn Khổng tử là thánh nhân, đạo của Khổng là cô đúc trong câu, "sống là phải biết nương theo đạo Trời", thuận lòng Trời là yên, nghịch lòng Trời là loạn lẽ nào lại vua Tống ngày nay lại không rõ tiền nhân họ. Lý tướng quân mắng vua Tống ngu hèn là phải đạo.

Chính vì vậy mà năm 1075 khi dẫn binh vào đất Tống, Lý thường Kiệt đã mắng mỏ vua Tống trong bài hịch (sđd5)

" Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh, lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ địch" khiến trăm học mệt nhọc làm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên cố nhiên phải xét. (5) "Phạt Tống lộ bố văn", Lý thường Kiệt, Trần văn Giáp dịch

Lý tướng quân đã lý luận những gì đã được "phân định " tại sách Trời ấy mà dân Lạc Việt ta đã đấu tranh dai dẳng với bọn Tàu phương bắc từ hơn 1000 năm trước để đến năm 938 thì Ngô Vương Quyền đặt nền móng độc lập lâu dài sau trận thủy chiến năm xưa. Nước ta luôn luôn thắng địch bằng thủy chiến. Chiến tranh trên đường thủy luôn có tính quyết định ; trong trận đánh năm xưa 1075, chính Lý tướng quân đã đích thân chỉ huy chiến thuyền đánh vào châu Liêm giải quyết gọn nhẹ về phần mình, trong khi cánh lục quân do phó tướng Tôn Đản người Tày đánh châu Ung thì chậm lụt hơn, cuối cùng Lý tướng quân đã phải hỗ trợ sau khi chém tướng tư lệnh đạo quân Quảng tây mang sang cứu viện là Trương thủ Tiết (8) tại ngay mặt trận thì thành Ung Châu mới hạ được, Lý thường Kiệt hoàn thành cuộc chinh phạt. *Độc lập chưa đầy 150 năm, mà Lý triều với Phật giáo là quốc giáo sao lại làm được kỳ tích như vậy. Có khi nào Bạ là con dân Lạc Việt nghĩ về nó với sự trân trọng sự vươn hèn của tổ quốc ta bắt đầu từ thời Thiệu trị 1858 chẳng ?. Năm xưa Hai Bà thua vì không có sức mạnh của thủy binh nên ngưou Đầu Mã Viện đã đổ bộ lên đất Giao châu bằng đường thủy (năm 40 scn) như chỗ không người; rồi Trương Phụ (1407) cũng huy động thủy binh hùng mạnh sang trấn áp nước ta, cho nên từ "ba Tàu, " là từ cảnh giác dân tộc này từ ngàn năm trước. Mặt biển đông luôn là hướng quyết định cuộc chiến sinh tồn của dân tộc này trước sự xâm lăng của ba Tàu phương bắc. Nhiều lần mất nước hoặc từ sự lơ là hoặc là do yếu kém vì ngân sách quốc gia huy động vào việc xây lăng tẩm cho vua là một trong các điều xấu xa nhất do triều Nguyễn Gia Miêu cấy vào đầu óc người Việt. Thiếu ngân sách, tiêu pha phung phí bỏ mặc thủy binh suy yếu, ta mất nước cho bọn Tây cũng từ đường thủy mà ra. Năm 1862 Mất miền đông, năm 1874 mất miền tây, 1884 mất luôn nước. Tầm ăn lên. Vua Nguyễn quá xuẩn!*

Câu 3

如何逆虜來侵犯

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm.

Dịch từng từ,

a)-"Như hà" là lời hỏi vặn, vì sao, vì có gì, hà có gì, mắc mớ gì. .
Nghịch [逆] là làm trái >> "ngỗ nghịch" [忤逆], Nghịch là từ phản nghĩa của thuận, Nghịch làm trái với lẽ tự nhiên (thuận)

b)-Lỗ [虜] là tù, là tiếng dùng để "nhiếc mắng ", đồ mọi rợ, bọn tù mọi rợ
Nghịch lỗ [忤逆] bọn tù mọi rợ ngỗ nghịch

Dịch nguyên câu ba

"Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm. " Hà có gì mà bọn mọi rợ ngỗ nghịch kia sang xâm phạm. Xâm phạm cái gì ? Lý tưởng quân cho rằng bọn Tống với *"vua Tống ngu hèn "* (sđd (5) kia đã xâm phạm những điều đã quy định (vốn được phân định rạch ròi từ sách trời, ít nhất là từ khi Ngô Vương ta thiết lập nền độc lập vĩnh cửu cho dân Lạc Việt)

Câu 4

汝等行看取敗虛

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Laiquangnam xin dịch từng từ,

a)-[汝] nhữ là mày, vốn là từ Tàu thuần túy mang ngữ nghĩa "miệt thị ",

b)-[等] đẳng là bọn, là lũ, cũng là từ Tàu thuần túy mang ngữ nghĩa "miệtthị *Nhữ đẳng* là đẳng cấp bọn mày, thứ "ngũ mày", "thứ đẳng cấp thuộc loại ngũ mày thì làm được nước non gì ! "

c) *hành khan* là thấy ngay lập tức

d) [取] thủ là cầm lấy, rước lấy.

e)- [虛] hư là hỏng hoàn toàn ,

"**thủ bại hư**" cầm chắc trong tay lấy thất bại hoàn toàn.

Laiquangnam dịch nguyên câu thơ ;

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Theo đúng ngữ hịch (sđd 2, 3, 4),

Thứ "ngũ mỳ" nắm chắc thất bại hoàn toàn ngay thôi mà !.

1-Nhắc nhớ chuyện năm trước còn quá mới với thời điểm phát bài thơ hịch này, Lý tướng quân đã chém tướng tư lệnh Quảng Tây và các thuộc tướng ((sđd 8) tại ngay chiến trường khi tấn công vào hang ổ của chúng. *Lý tướng quân, nói là làm* quá khứ đã chứng minh. Không cần khoa ngôn lông ngữ như Lưu Hiệp đã dạy.

2-Nhớ xưa hoàng đế Quang Trung cũng đã viết hịch với lời lẽ như sau

Đánh cho dài tóc,

Đánh để đen răng,

Đánh cho chích luân bất phản!

Đánh cho phiến giáp bất hoàn!

Đánh cho sử tri Nam Quốc Anh hùng chi hữu chủ!

Hoàng đế Quang Trung

Laiquangnam xin chú vài từ giúp Bạn đọc dễ nhớ nguyên tác của người xưa.

chích luân là cái bánh xe,

a)-"*chích luân bất phản!*" là như cái bánh xe chỉ phải quay theo chiều thuận, một chiều, không hề quay ngược bao giờ, nghĩa là "**sách trời**" trong Nam quốc sơn hà, đã quy định là như vậy, cứ thuận theo mà bảo toàn mạng sống, có sao phải làm nghịch lại..

b)- "*phiến giáp bất hoàn*" là một mảnh giáp cũng không còn để mà về, lính thua chạy không có gì mặc mà chạy về ắt phải xấu hổ với vợ con, hàm ý là "đánh cho không còn "cái quần xà lỏn" để mà mặc chạy về. Ôm đầu máu mà

chạy ! Đánh cho biết thế nào là ô nhục khi xâm lăng nước non Nam của Ta.

Vua QuangTrung, nói là làm, bởi trong đời Ngài chưa biết thế nào là thua trận, ngay cả khi giáp trận với bọn Tây khi bọn này giúp Gia Long mãi Quốc Cầu Vinh với vũ khí tinh xảo hơn hẳn mà cũng phải chạy dài;. thế nên lời hịch trên chẳng cần dùng khoa ngôn lộng ngữ như Lưu Hiệp đã dạy khi tổng luận VH TQ. Ta khác Tàu, người Việt khác người Tàu là vậy. Tôn sĩ Nghị bỏ chạy trốn chết, háp tấp đến nổi mà bỏ cả ấn tín, quân Thanh chòi đập làm sập cầu phao, xác trôi lênh lênh nghệt dòng sông Nhị. Dân miệt biên giới Hoa Việt phải chạy lùi vào sâu trong đại lục cả trăm dặm.

Tóm lại Bạn đọc đã rõ từng âm, từng từ mà người xưa đã viết. Bởi bản văn ngắn, người Việt buộc phải mượn âm Tàu, chữ của người Tàu làm vỏ bọc để tải thuật ngữ thơ Hịch, thuật ngữ văn học. Ngày xưa không có viết mực giấy bút như ngày nay, lối học chữ Tàu theo "**tam thiên tự**" chỉ là cách chữa cháy, ấy vậy mà ông bà ta du nhập trước sau chỉ trên dưới 5000 từ, đúng ra chỉ cần 2 đến 3000 từ là đã đủ điều hành xã hội, đủ huấn luyện quân binh.

Ta thử đọc lại đoạn văn sau đây để hiểu ngày xưa ông bà ta học chữ Hán như thế nào, đây là thứ chữ dành cho cho lớp tú tài ... , Vua không dùng "sức học cỡ tú tài" này, lớp tú tài chỉ biết chữ Hán vừa đủ để đọc mộ bia, để viết gia phả, và để giúp cho quý bà đôi câu biền ngẫu "khóc chồng", họ làm vài câu thơ châm chọc hay tán gái hay mang cái sở học "bóng đèn" phả vào ca dao, giảng tích Tàu cho người nông dân miệt vườn ít học, khiến cho dân ta bị Hán hoá trong đầu lúc nào không biết, thật khốn nạn cho dân tộc này khi mà họ học không tới thay vì làm thịnh cứ luôn mồm cất tiếng gáy. **Lớp cử nhân trở lên mới được tham chính. Lớp sĩ phu "có học, bất luận là tú tài hay cử nhân có tâm mới là lớp người mà dân tộc này mang ơn.** Ngay cả sở học cỡ tiến sĩ Cao xuân Dục, của Phan bội Châu, giải nguyên mà còn bị cụ Phan Khôi chỉ trích là "viết câu chữ Hán sai bét" bởi người Tàu không nói như vậy. Vậy mà họ đã cày cục tiêu tốn mười năm để thông 3000 từ Hán. Thế nên đại bộ phận người dân nói tiếng Việt không mấy hiểu từ xa lạ. Thế nên trong triều luôn có vị quan văn dịch lời biểu, lời tấu từ tiếng Hán sang tiếng Việt thuần túy cho các võ quan thông hiểu. Vì vậy tại chiến trường ác liệt năm xưa, trước trận phản công mà địch phải huy động tên tướng sừng sỏ Quách Quỳ (7) mà họ đã thân thoại hóa trong các truyện của người Tàu là Tam hạ Nam Đường, Vạn huê lâu. Quân Tàu đánh với mọi khí thế trong người nhằm phục hận năm xưa Lý tướng quân đã phá nát đất nước họ. Lý tướng quân đã viết bài thơ hịch rất ngắn, nhưng hàm súc đủ các điều muốn

nói, không cần truyền hịch trước hàng quân, mà chỉ cần cho họ nghe, họ sẽ hiểu theo trình độ của họ, theo sự hưng phấn lẫn lòng căm thù mà cấp trên của họ vừa làm vừa giảng giải. Trận chiến trong đêm trăng bên bờ sông Như Nguyệt chỉ cách kinh thành Thăng Long trên dưới vài chục dặm (khoảng 60 km). Trong khi cần sự hưng phấn của người chiến binh, biết đâu có cả bọn trẻ vác tre, vót chông, đội đất đắp lũy chống lại súng bắn đá của địch đang gây tổn thất lớn cho thuyền bè ta. Trong bối cảnh ấy, người chiến binh, người dân công trồng tre làm rào chắc chiến lũy, kẻ ngồi vót chông gây chướng ngại có thể tử trận bất cứ lúc nào do đá bắn qua tới tấp từ bên kia sông. Với họ vừa làm vừa giữ trận tuyến, thì giờ là vàng bạc. Lời thơ Hịch miễn sao tạo nên khí thế chiến đấu cho quân binh là đã đủ. Thế mới biết chọn cách, chọn điểm tiến hành phổ biến bài thơ Hịch là rất đòi tài tình của Lý tướng quân. Nhờ đêm tối, đêm là thời điểm của thần nhân, là cõi âm, là cõi tĩnh, người nghe rõ hơn, tập trung hơn. Thần nhân đọc lời thơ với giọng văn trách mắng xem thường kẻ thù như laiquangnam đã tạm dịch nghĩa ở trên.

Chính vì thế mà ngôn ngữ bản dịch này phải có giọng trách mắng, phải có ngôn ngữ miệt thị kẻ thù truyền cho mọi tầng lớp dân quân, chiến sĩ tham gia chiến dịch, trận đánh thông hiểu. Đó là loại ngôn ngữ thơ Hịch rất đặc trưng của dòng thơ cổ do tiền nhân ta viết. "Ai đó "đã đem giọng mượt mà đầy chất thơ vào bản dịch bài thơ Hịch này, laiquangnam e rằng không đúng chỗ. Ngôn từ tuyệt kỹ của người xưa là dùng âm điệu cao thấp của dòng thất ngôn, và ngôn từ cân là "đánh đúng vào lòng người Việt khiến họ phấn khích mà cầm gươm xông tới, quên đi nỗi sợ tử vong ", lúc ấy không có từ mượt mà mềm yếu (Xin mời Khách thơ đọc phần bản dịch của người xưa bên dưới). Điều tốt nhất là chúng ta buộc phải thuộc nguyên tác hiểu cặn kẽ từ tiếng Nho nay không còn dùng. Hiểu rõ được từng ngữ nghĩa thì càng yêu mến tiền nhân ta hơn nữa. Ngày nay trẻ tại Việt nam. cấp I học lần đầu và cấp II học lại lần thứ hai. Bọn trẻ học thuộc lòng và nghe giảng bài Nam quốc sơn hà, đáng tiếc như sau

Nam quốc sơn hà

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên **định phận** tại thiên thư. // **đúng ra phải là phân định**)
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Lý Thường Kiệt

Rõ ràng bản dịch ra quốc ngữ khiến bọn trẻ dễ học, dễ nhớ hơn, nhưng sẽ không hay bằng nguyên tác nếu như thầy cô giáo chịu giảng với cả tấm lòng.

Người Việt với tinh thần thực tế, học sao cho nhanh, họ đã viết quyển Nhất thiên tự: "một nghìn chữ" cơ bản, dùng thể thơ lục bát các vô nghĩa miễn sao thuận miệng dễ nhớ là được, cứ mỗi một cặp gồm một chữ Nho thì tiếp theo nghĩa của chữ ấy là chữ thuần Việt, ví dụ thiên trời, địa đất ...

Dịch sang thơ quốc âm

Như đã nói trên Thơ Hịch phải có lời mắng mỏ. Hạ nhục, khinh miệt kẻ thù và rất tiếc là laiquangnam không đủ tài năng dịch, cho dù chỉ cố mong được có một phần khẩu khí của người xưa, Lý tướng quân người đã mắng mỏ vua nước Đại Tống, hài tội nhà tư tưởng lớn của người Tàu là Vương An Thạch trong câu dưới đây "Nay nghe vua Tống ngu hèn, chẳng biết tuân theo phép thánh, lại tin kế của An Thạch tham tà, bày những phép "thanh miêu", "trợ dịch" khiến trăm học mệch nhọc lầm than, mà riêng thoả mãn nuôi mình béo mập. Bởi trăm tính mệnh muôn dân, đều phú bẩm tự trời, thế mà bỗng sa vào cảnh éo le độc hại, lượng kẻ ở trên cố nhiên phải xét. (sđd 5) "Phật Tống lộ bố văn", Lý thường Kiệt, Trần văn Giáp dịch

Nay laiquangnam xin thể hiện lại bài Nam quốc sơn hà với hai bản văn dịch thơ hịch như sau, Mỗi bản văn được thể tái thể hiện trong từng nhóm binh sĩ khác nhau khi họ luận bàn ngữ nghĩa của từ bài thơ thần mà họ vừa nghe tiếng thần nhân đọc trong đêm trăng bên bờ sông Như Nguyệt trong trận đánh quyết định sống còn, nhưng họ đâu có hiểu đó là thần cơ trong cách dụng binh của Lý tướng quân, mượn miệng thần linh để binh sĩ mình mau thấm nhuần lời hịch do mình viết, vừa phấn khích, vừa tức bọn giặc ngu xuẩn, lỗ mãng, vừa khúc khích cười, vừa ra dấu chọc quê kẻ địch bên kia sông. Xưa nay theo thông lệ người chỉ huy luôn luôn được nhận vinh quang về quyền tác giả các bản văn hịch mà mình nói, viết hay mình cho lưu hành, cho đến khi đời sau có "ai đó" chứng minh bằng văn bản rằng đã có người sáng tác ra nó. Nói ngược lại, phủ nhận Lý thường Kiệt là tác giả với đòi hỏi phải chứng minh có bút tự của Lý thường Kiệt e rằng kẻ ấy âm mưu.

Dịch sang thơ quốc âm

01

*Nước non Nam Đế Nam hùng cứ!
Phân định sách trời xưa tỏ nay,*

**Lỗ mãng! có sao sang lẩn phạm,
Ngũ bâu thất bại chắc trong tay !
Laiquangnam**

02

**Đất nước Nam, Đế Nam, hùm ngựa !,
Sách trời phân định tổ xưa nay.
Có sao lỗ mãng sang xâm lược!,
Chống mắt xem Ta " tẩn" lũ mày!.**

"hùm ngựa", vuốt rau hùm chết có ngày nghe con!. Rừng nào cọp này.

" tẩn", đần, tâm, đăm, xáng, táng. . " là các từ mà bọn trẻ Việt nam hay dùng sau khi hạ gục kẻ thù. Xin Khách thơ hãy cố hình dung để thấy trọn nụ cười hồn nhiên chọc quê lính Tàu của bọn trẻ tham gia trận đánh khi chúng dùng tiếng địa phương của khắp mọi miền đất nước đang hiện diện trong đêm đó .

Bạn đọc có thấy bọn trẻ vừa tiếp tre, vừa tiếp đất cho người chiến binh dưới làn mưa đá của đội quân xâm lược Quách Quý cố phục hận, họ bắn qua xối xả qua bờ nam sông Như Nguyệt trong đêm trăng. Bọn chúng đùa vui, có gì phải sợ. **Chống mắt xem Ta " tẩn" lũ mày!**. Trận đánh mà bên ta chết hai hoàng tử, và kẻ địch tổn thất vô cùng nặng nề, 10 phần chết sáu bảy. Quách Quý vị tướng Tàu, người Tàu vô cùng sùng sỏ, cũng sợ chết, rồi chịu lui quân. Ông nói ta thà mình ta thân bại để cứu muôn người còn hơn chết chùm. Vua Tống thua me gỡ bài cào, rồi cuối cùng quyết định lột chức đuổi Quách Quý về quê. . Ôi khí thế này, ngày nay chúng ta không còn mong thấy lại!

Lỗ mãng chữ nặng nề hơn chữ mất dạy nhiều, lỗ mãng là chữ của người bề trên nói với kẻ dưới, thường hàm chứa một sự đe dọa, hễ không sửa chữa là " bup" liền. Chữ mất dạy có khi người nói không đủ sức kiềm chế người bị nguyên rủa, nhưng người dùng chữ lỗ mãng thì tự tin là ta sẽ đánh mày nếu như mày không biết hối lỗi.

Chống mắt thường là sự quả báo cho một hành động phải xảy ra khi có một nguyên nhân sai lầm hoặc bất nhân.

Tẩn, đần là khi ta chế ngự địch thủ đến mức không còn khả năng kháng cự, địch thủ chỉ còn nằm yên chịu trận mà thôi.

Vài bản dịch của người xưa

(laiquangnam không bình hay có bất kỳ ý kiến gì)

01

Nam quốc sơn hà

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định rõ ở sách trời
Cớ sao lũ giặc đến xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời! (1)

1) Bản dịch của sách Hợp tuyển thơ văn Việt Nam thế kỷ X đến giữa thế kỷ XVII. NXB Văn học. Hà Nội. 1976.

02

Sông núi nước nam

Sông núi nước Nam vua nam coi.
Rành rành phân định ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Bay sẽ tan tành chết sạch toi.

Bản dịch của HOA BĂNG

Nguồn : Văn lang, Danh nhân đất Việt, NXB ThanhNiên, 1995

03 -Bản dịch:của Trần Trọng Kim

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm ?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!

04-Bản dịch do Lê Thước và Nam Trân dịch

(bản này đang được dùng trong sách giáo khoa Trung học và Đại học ở VN)

Núi sông Nam Việt vua Nam ở
Vằng vặc sách trời chia xứ sở
Giặc dữ cớ sao phạm đến đây
Chúng mày nhất định phải tan vỡ

Nhóm giáo sư Đại học Huế, Tinh tuyển thơ văn Hán Nôm, , NXB Giao Dục, 2001.

Bản số 05

Người dịch : Ngô linh Ngọc

Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự
Sách trời định phận rõ non sông
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm ?
Bay hầy chờ coi chuốc bại vong.

Trích Ngô linh Ngọc, Tổng tập văn học Việt nam, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà nội, 1980.

Lời cuối:

1-Sau trận thua đau này nhiều người Tàu thời ấy, hoặc sau này viết nhiều câu chuyện Tàu nhằm giảm cấp chuyện đánh Tống thắng lợi vang dội của danh tướng Lý thường Kiệt năm xưa. Họ đặt điều nói xấu tiền nhân ta tỉ như bịa đặt các tên gọi xách mé, mà "sử gia"(sic!) TCĐT cố tình trích dẫn gán ghép cho Lý tướng quân mang tên xấu xa ấy. Họ thần thoại hóa sức mạnh của Quách Quỳ như là một danh tướng bách chiến bách thắng trong các truyện Tàu mà thế hệ chúng tôi khi còn nhỏ khoảng cuối đầu thập niên (1955-1962) ham đọc các truyện Tàu ấy như Tam hạ Nam đường, Vạn huê lâu mà không biết đầu mình đã nhiễm độc, mình đã bị người Tàu cấy vào đó một "tế bào ung thư" nay có người đã bị di căn thành bệnh "bóng đèn" nào có hay !. Viết các truyện dài hơi như Vạn huê Lâu, Tam Hạ Nam Đường được thì "nghĩa lý gì" khi viết một câu truyện bịa như thế để ông dẫn. Quách Quỳ là tên tội đồ với dân tộc này. Rằng "Cây quất trồng ở Giang Nam thì ngọt mà mang lên trồng ở Giang Bắc trồng thì chua". Chính sử Tàu đã viết "xấu hổ vì thất bại trên trận đánh với Lý thường Kiệt vua Tống đã lột chức Quách Quỳ đuổi về quê".

2-Xưa nay người Tàu vốn sở trường về hàng gian hàng giả, là chúa đặt điều trong các sách truyện ký sự nói xấu nước ta. Tư tưởng Đại Hán thái quá của người Tàu mà TCĐT cố tình trích dẫn, một lối ném đá dẫu tay hiểm độc. Tôi đã thấy, đã tiếp xúc, đã đọc trên internet, Tư tưởng Đại Hán thái quá của họ luôn luôn là điều khiến cho người Việt chúng tôi dè chừng người Tàu như

ông bà chúng tôi đã dè chừng từ hơn 2000 năm nay. Từ **ba Tàu, ba Trời, ba Hoa** trong ngôn ngữ Việt là một minh chứng với ba là một prefix. TCĐT được học với sử gia người Việt là giáo sư Nguyễn Phương tốt nghiệp tiến sĩ tại Pháp năm xưa về dạy ngay ĐH VK SG, nay ông lại đang tâm bôi nhọ mọi danh nhân đất nước ta, Ông không từ một ai từ Thần nhân người Việt đến các đại anh hùng dân tộc như Lý thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Vua Quang Trung. Sách vở mà ông trích dẫn toàn là các ký sự bịa đặt không thuộc giòng chính sử! **Lý ra ông phải là người kết nối và hòa giải lòng hận thù, vì nguyên nhân đưa đến lòng hận thù ấy giữa hai dân tộc Hoa-Việt ông biết rất rõ mà.** Tiếc thay ông lại nhiễm tư tưởng Đại Hán đến tận thế kỷ 21 qua các trang sử Việt tưởng vô tư, vô hại nhưng lại vô cùng ác độc. Buồn thay vì tôi không thấy mấy ai là người Việt " có học " tử tế lại để tâm đến tình tự dân tộc Việt, nay Họ lại không hề lên tiếng vì " người khôn nhất là người luôn tụng câu đầu môi " **một câu nhin là chín câu lành !** "; rằng " **nó ăn ở không phải thì trời trả báo nó !**", nhớ xưa vị Phật sống của chúng ta là nhà vua Trần nhân Tông đã khoác chiến bào cùng Hưng Đạo Đại Vương dẹp giặc, dẹp tan quân Nguyên hung hãn để cứu đất nước này khỏi diệt vong. Nhà thiên sư đất Việt năm xưa còn vậy huống hồ gì bây giờ mà giới có học lại " **thủ thân vi đại** " thấy chuyện bất bình về văn hóa, về lịch sử tiền nhân, về ba vị đại anh hùng dân tộc, ba danh tướng nhất của dân Việt bị bôi lọ mà nỡ làm thinh, rằng "**sống chết mặc bay**" chỉ có mình ta khôn ?. Buồn thay !

3-Đây không phải là bản Tuyên ngôn độc lập bởi nước ta đã là một thực thể độc lập vững chắc kể từ khi Ngô Vương Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Từ năm 938 trở về sau nước ta đã độc lập lâu dài. Từ đó cho đến 1076 tính ra đã được 137 năm. Nay Lý tướng quân chỉ báo là " **rừng nào có cọp nấy, " đất nước phương Nam này ta đã tốn máu xương để dành lại và xóa sổ 1000 lệ thuộc**". Năm trước, 1075, Ta (Lý thường Kiệt) đã thay trời cứu dân Tống khỏi lầm than vì họa Tân pháp của Vương An Thạch. Thế nên câu đầu "Nam quốc sơn hà Nam đế cư, ", không cần phải nêu tên nước của ta trong từng thời kỳ làm gì. "Nam quốc sơn hà là đất đai của giống nòi Lạc Việt.

Ngày nay trong văn học nước ta, có nhiều áng hùng văn trong lịch sử cổ kim được chuyển dịch sang chữ quốc ngữ từ các nguồn văn hóa khác nhau.

Nhắc lại, các vị vua ở nước ta thời cổ có Triệu Đà muốn xưng đế cho ngang hàng với Hán đế nhưng sau vua Hán dùng đòn bản dọa đào mã cha mẹ ông, Triệu Đà sợ là con bất hiếu nên rút ý định xưng đế, rồi dẫn đến họa mất nước bởi sau khi ông chết, người vợ Tàu lẳng loạn của ông có tên là Lữ Hậu

thông dân người tình nhân cũ đang là quan trong triều Hán nên đem đất nước về cho Tàu. Việc này khiến Lữ Gia nổi binh giết chết Triệu Ai Vương và Lữ Hậu. và ta cũng mất luôn nước. Chịu Bắc thuộc lần thứ nhất.

4-Khi xung trận Lý thường Kiệt đã gọi vua của Tàu là " ngu hèn ", Có khi nào Bạn đọc tự hỏi vì có gì trong đầu ""bóng đèn" của họ hiện nay khiến các dịch giả Việt nam phải e ngại mà phải dùng thứ ngôn ngữ dịch mềm mỏng khác với khí khách tiền nhân. Ngôn ngữ mang chất thơ không đúng trong việc dịch bài thơ hịch này. Bạn nghĩ gì ?

5-Vua là chủ nước nhỏ, Đế là chủ của nước lớn.

6-Sáu điều độc đáo của bài thơ hịch "Nam quốc sơn hà "

Khác hơn các bản hùng văn được thể hiện đây đó trên thế giới, bản hùng văn này có những yếu tố kỳ lạ tối ưu sau.

a)-**Một là** dùng thơ để viết hịch.

b)-**Hai là** bài thơ lại rất ngắn, nó chỉ có bốn câu gồm 28 chữ, với một bố cục cực kỳ chặt chẽ mà trong suốt giọng lịch sử của người Tàu họ không làm sao tưởng tượng nổi ; rằng đã có một tướng lãnh Đại Việt đã viết hàm súc như vậy. Đã không hình dung được thì làm sao mà sáng tạo.

c) **Ba là** Thể hịch buộc phải dùng lời" khoa ngôn " để khích tướng và làm cho người chiến binh bớt sợ kẻ thù. Nam quốc sơn hà thì người thật việc thật, không lộng ngữ khoa ngôn.

e) **Bốn là** bài hịch được truyền đi khi vị tướng quân tư lệnh chiến trường không cần phải tập hợp binh sĩ, không cần phải nhìn hàng quân dưới bóng quân kỳ mà ban lời "nhật lệnh ", "huấn lệnh, đọc bài hịch để nâng cao tinh thần binh sĩ như thông lệ. Lý thường Kiệt đã có cách khác hiệu quả hơn nhiều, kỳ diệu hơn nhiều. mau thuộc mau nhớ, trình độ nào cũng hiểu, diễn nôm ở dạng nào cũng được

f) **Năm là** bài thơ của Lý tướng quân dùng ngôn từ cho cả hai đối tượng mà mình nhắm đến, binh sĩ thuộc quyền và cả binh sĩ địch. Với kẻ thù thì đó nặng lời " mắng mỏ ", miệt thị và đối với binh sĩ mình rằng những gì ta nói có các nhân chứng nay là thuộc tướng của ta, họ đã chứng kiến.

g) **Sáu là** Lý thường Kiệt biết giữa ngôn ngữ bình dân, số từ tiếng nôm nhiều hơn thứ tiếng Tàu mà các quan văn (ông bà ta) đang dùng nên bài thơ Hịch có thể được dịch ra thành nhiều **bản** khác nhau, tùy theo độ nhuần nhuyễn từ ngữ dân tộc, từ đó đánh thẳng vào lòng yêu quê hương của người chiến binh không được mấy hiểu biết chữ Nho

7-Là người Việt ngày nay mỗi khi chúng ta thẩm định lại giá trị một bài cổ văn của dân tộc, buộc phải nhìn trước nhìn sau và quy chiếu một cách nhất quán với tình tự dân tộc để thử tìm xem một cách cận kề và có hệ thống rằng **" có thuốc độc trong viên kẹo ngọt"** hay chẳng. Âm mưu Hán hóa lên dân tộc Việt mà người Tàu nhất quán áp lên dân tộc này từ thời vua Hán vào thế kỷ thứ I, SCN khi họ sai Mã Viện Ngưu Đầu triệt hạ văn minh Lạc Việt, một nền văn minh Trống Đồng, văn minh lúa nước đã có khi tiếp cận với các nước Nam Á qua đường hàng hải trước khi người Trung quốc xâm lược và hủy diệt nó đi. Người Việt nay cầm bút cổ mà tự hỏi lòng rằng **"Cây quật trồng ở Giang Nam thì ngọt mà mang trồng Giang Bắc trồng thì chua"** có đúng trong trường hợp này chẳng ?. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có bản sắc riêng của mình nên người nước Nam phải thường ngoạn theo phong cách và tình tự của người phương Nam cần gì phải Tử viết, phải Lưu Hiệp nói. Lý luận văn học của ta nên theo cách đánh giá của tiền nhân ta, Lê quý Đôn và Ngô Thời Nhiệm... kiến văn nào có chịu thua kém ai, không thể nhất nhất đều bị "bóng đè" như lớp đàn anh mình sinh ở thập niên 1930 nay còn sót lại đó đây, họ làm nhiệm bản bản sắc dân tộc Việt. Người Việt hiện nay cần có tinh thần khử Hán hóa (déhanisation), để chống lại quyền lực mềm Hán Hóa (Hanisation) mà Trung quốc hiện nay đang cố triển khai trên đất nước ta như những gì ta thấy qua phim ảnh hằng ngày trên tivi, trên báo chí tại Việt nam.

8-Những yếu tố khiến Lý thường Kiệt thành công trong việc chinh chiến, xin mời đọc một đoạn

"Giáp Thìn, [Chương Thánh Gia Khánh] năm thứ 6 [1064], (Tổng Anh Tông Thự, Trị Bình năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng sai sứ sang Tống.. Mùa hạ, tháng 4, [3b] vua ngự ở điện Thiên Khánh xử kiện. Khi ấy công chúa Động Thiên đứng hầu bên cạnh, vua chỉ vào công chúa, bảo ngục lại rằng: "Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trẫm rất thương xót, từ nay về sau, không cứ gì tội nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm". (ĐVSKTT)

Sử thân Ngô Sĩ Liên nói: *Xót thương vì hình ngục, nhân từ với nhân dân, là việc đầu tiên của vương chính. Thánh Tông lo tù nhân trong ngục hoặc có kẻ*

vô tội mà chết vì đói rét, [6a] cấp cho chiếu chăn ăn uống để nuôi sống, lo quan lại giữ việc hình ngục hoặc có kẻ vì nhà nghèo mà nhận tiền đút lót, cấp thêm cho tiền bổng và thức ăn để nhà được giàu đủ. Lo dân thiếu ăn thì xuống chiếu khuyến nông, gặp năm đại hạn thì ban lệnh chẩn cấp người nghèo, trước sau một lòng, đều là thành thực. Huống chi lại tôn sùng đạo học, định rõ chế độ, văn sự thi hành mau chóng bên trong; phía nam bình Chiêm; phía bắc đánh Tống, uy vũ biểu dương hiển hách bên ngoài. Tuy có việc lầm lỗi nhỏ khác cũng vẫn là bậc vua hiền. Hoặc có người bảo là vua nhân nhu có thừa mà cương đoán không đủ, ngu ý chưa cho là phải.

Đời Lý với quốc giáo là Phật giáo nước ta chỉ mới 150 lập quốc dân ít, văn hóa chưa cao so với địch mà đã kéo quân vào Trung quốc đánh đấm ra trò, đây là lần duy nhất trong sử Việt ắt cũng có nguyên nhân sâu xa của nó. Vua Lý là cha mẹ dân, coi dân như là con em của mình. Một bài học muôn đời của nhân cách Việt. Phục thay!

laiquangnam

-o0o0o0o-

I-Tham khảo

[1] Trần Trọng Kim, Việt nam sử lược in vào năm 1920, nxb Tân Việt,

Link <http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn2nqn1n31n343tq83a3q3m3237nvn&AspxAutoDetectCookieSupport=1>

Chép "Tiệt nhiên định phận tại thiên thư ". Từ sai sót này của cụ Trần có lẽ đã dấy theo sự sai sót của Dương Quảng Hàm. Ngày nay khi tra trên mạng internet, ta vẫn thấy các trang web nay còn vẫn dùng bản cũ. Ví dụ : www.vi-wikipedia.org và các sách giáo khoa VN đang được dùng hiện nay. Đúng ra phải là "Tiệt nhiên phân định tại thiên thư " như bản ĐVSKTT. Hanoi dịch lần 2.

[2] Phạm thi Hào, **Khái niệm và thuật ngữ Lý luận Văn học Trung quốc, nxb Văn Học, năm 2004**. Bà Phạm thi Hào là chuyên gia đầu ngành về Trung quốc học của Hanoi. Bà đã được gửi đến Trung quốc du học về văn hóa Trung quốc từ trước 1954. Bà đã đọc nhiều sách viết về Văn học Trung quốc và Các đại tự điển văn hóa của Trung quốc để viết nên quyển này.

[3]- Văn tâm điều long, của Lưu hiệp (465-532), Phan Ngọc lược dịch

[4] <http://www.pqtrung.com/ngghien-cuu-van-chuong/van-chuong-nuoc-ngoai/li-tri-m-ca-lu-hip>.

[5] "Phật Tông lộ bố văn", <http://www.suutap.com/default.asp?id=1326&muc=5>

[6] Nguyễn Phạm Hùng, văn học Lý Trần nhìn từ thể loại (chuyên khảo), nxb Giáo Dục 1996.

[7] <http://vi.wikipedia.org>

[8] Chiến tranh Tống-Việt, 1075-1077

link http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%20E1%BA%BFn_tranh_T%E1%BB%91ng_-_Vi%E1%BB%87t,_1075-1077

http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%20E1%BA%BFn_tranh_T%E1%BB%91ng_-_Vi%E1%BB%87t,_1075-1077

[9] link load sách sử của Trần trọng Kim <http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn2nqn1n31n343tq83a3q3m3237nvn1n>

<http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn2nqn1n31n343tq83a3q3m3237nvn1n>

[10] link load sách ĐVSKTT

<http://www.mtat.macdinhchi71.com/suutam/truyen/daivietsukytoanthu/>

[11] "Đoàn trung Còn, Tam thiên tự"

Link <http://vnthuquan.net/diendan/tm.aspx?m=220136>

[12] Bùi Duy Tân, *Bàn thêm về văn bản và tác giả bài thơ "Nam quốc sơn hà"*. Tạp chí Văn học, số 10/1996. Nay đăng lại toàn văn trong sách "Khảo và luận" của BDT, NXB Giáo Dục, 1999, trang 13. Các bạn đọc quyền này để hiểu toàn bộ sự diễn tiến vấn đề đã nêu. .

[13] Nguyễn khắc Thuần, *Đàm đạo truyện xưa*, nxb Thanh niên. 2004

-o0o0o-

II-Phần ghi chú nhanh bên lề những từ mà laiquangnam đã dùng trong bài

Vài định nghĩa về các từ "chữ Nho", từ "Hán việt", từ "Việt Hán", từ Nôm, từ "thuần Việt"

Và từ "Việt"

1-**Chữ Nho** là thứ chữ mà ông bà ta sử dụng có nguồn gốc từ tiếng Tàu mà ra, do vì ông bà ta bị Tàu, người Tàu đô hộ, họ hủy sạch văn tự của ta (?) trong hai cuộc tàn phá văn hóa có tính "hệ thống, bài bản " được thi hành chặt chẽ. Lần thứ nhất là vào đời Hán, năm 43 SCN do Ngưu Đầu Mã Viện thực hiện theo chỉ thị của vua Hán. Và lần thứ hai vào các năm 1400-1428 do Trương Phụ thực hiện dưới sự chỉ đạo của vua nhà Minh [1]. Khi bị mất chữ viết, người Việt xưa buộc phải dùng chữ Tàu của người Tàu là người đã đô hộ mình. Đó không là ngôn ngữ của mình, nên ông bà ta chỉ chọn lọc một số ít từ để dùng tạm trong việc điều hành quốc gia như quản lý xã hội (quản lý hộ khẩu, Họ tên (tiện cho việc bắt lính, đóng thuế), viết gia phả, văn bia...) ; dùng trong việc thi cử (dựa vào văn chương mà tuyển người tài cho đất nước ...). Ước độ ông bà ta dùng trên dưới 5000 từ đơn (Tự điển Hán Việt của ĐDA vào đầu thế kỷ 20 là một minh chứng).

Vào năm 1407-1427 Người Tàu thấy người Việt viết chữ Nho nhưng đọc theo âm Hán đời Đường, thế kỷ thứ IX_X, , mà ta tạm gọi là âm Hán Việt không giống như người bản địa (Tàu, người Tàu đời Minh) cho nên đã bắt về Trung quốc hơn 200 người là các học sanh, là thầy chùa sang Tàu để người Tàu tái đào tạo rồi tung về Việt nam để duy trì sự liên tục dòng văn hóa Hán tộc. Lối đi là qua kinh sách Phật giáo Trung quốc (mà nay vẫn còn là một thứ "bóng đèn" nặng trên vai Phật giáo Việt nam). Thiệu Chử trích ra thêm khoảng chừng 4000 từ nữa, thế nên trong Hán Việt tự điển của Thiệu Chử có những tiếng, những từ tuy ta đọc theo âm Hán Việt nhưng là của Tàu, bởi chỉ có người Tàu rất mới dùng mà thôi ; người Việt chúng ta không dùng hay không còn dùng. Nhiều hình tượng La Hán, Phật, Bồ tát vốn không có tại nước ta thời Lý Trần với dòng thiền rất đặc sắc, thiền "Yên tử", nay lại xuất hiện đầy ở rất nhiều chùa miếu ở Nam bộ hiện nay. Chùa người Khmère thì không thấy, ví dụ tượng ông "Phật mập" do " Bồ Đại hòa thượng" hóa thân xuất hiện cuối Nguyên đầu Minh vào. Đừng lấy tinh thần Phật giáo " phá chấp, phi hình tướng" mà che cho cái "?" của mình. "Cây quất trồng ở Giang Nam thì ngọt mà mang trồng Giang Bắc trồng thì chua". Không hiểu giới thầy chùa Việt nam có chịu lắng nghe!

2-**Từ Hán Việt** là tập hợp con của chữ nho, từ thứ chữ nho ấy mà chuyên hóa. Từ Hán Việt là tiếng Hán đọc theo Âm Việt đã được chọn lựa lại trong số ấy. Ví dụ chữ Thiên của Tàu, người Tàu dùng khoảng 26 chữ, trong tiếng Hán Việt ta chỉ dùng 5 từ với năm nghĩa khác nhau cùng có âm là thiên. Có 26 chữ Tàu, có 5 chữ Nho, có 5 từ Hán Việt, có 5 từ Việt Hán và có một từ

Việt, nói thiên nói địa tuy là nói trên trời dưới đất, mà nay thành tiếng thuần Việt, bởi người Việt hiểu cụm "nói thiên nói địa" >> nóiThiênNóiĐịa >nóiBaTrời, nóiTàolao, nóiBaXíBaTú (các từ viết liền tương đương với một từ tiếng Anh khi chuyển dịch. ***Từ Hán Việt là từ mà ngày nay chúng ta cần phải làm ngay một quyển tự điển gọn nhẹ, nhằm giúp học sinh và người dùng bình thường để dùng đúng, như Nhật Bản đã làm giúp đỡ thuyền nhân Việt nam trên xứ họ, học sinh chỉ cần quanh quẩn trong vòng 3000 từ là đủ. Làm như ĐDA vừa thiếu vừa dư, lẫn lộn giữa chữ Tàu, chữ nho và từ Hán Việt, từ Việt Hán. Ta cần có ngay nó để có bộ tự điển đối chiếu Prefix và suffix dành chuyển ngữ các thuật ngữ Khoa học, văn chương, luật pháp ... vv.... một cách nhất quán.***

3-Từ Việt Hán là tập hợp con của từ Hán Việt, có số phần tử nhỏ hơn hay bằng. ***Từ Việt Hán là từ tối cần thiết để mở rộng ngôn từ và sức sống cho dòng Việt ngữ ***

Ngày nay ta mượn âm Hán chỉ là cái vỏ bọc để dịch các "thuật ngữ" khi ta tiếp cận Văn minh thế giới Tây phương, nó đã ảnh hưởng trên văn hóa chúng ta ngày nay không thể tránh khỏi. Văn hóa của dân tộc ta là sự tiêu hóa, là sự tiếp cận, tiếp nhận và có chọn lọc. Muốn hiểu từ Việt Hán cho tường tận, ta phải chú bằng tiếng Anh bên cạnh, và người dùng buộc phải tra Encyclopedia của Anh Mỹ mới mong hiểu rõ nghĩa. Các Đại tự điển của người Tàu, họ cũng dịch từ các bộ Encyclopedia của Anh, Mỹ, Pháp mà ra cả. Ví dụ các từ Triết học (philosophy), văn hóa (culture) tư bản (capital) là các từ Việt Hán. Văn hóa (tinh từ) là từ Hán Việt (dùng tự điển Thiệu Chử để tra). Văn hóa (danh từ là vỏ bọc) là từ Việt Hán phải dùng Encyclopedia để tra cho tường tận ngữ nghĩa. Các vị được gọi là học giả bị "bóng đèn" nặng thường thích tra cứu các từ mà laiquangnam giới thiệu ở trên bằng các đại tự điển của Trung quốc. Hết biết!. Dịch lại cái người ta đã dịch từ trong các bộ Encyclopedia của người Phương Tây để hiểu từ, đó là lối làm việc của học giả bị "bóng đèn", Tàu là nhất có là" người "?".

5-Trong ngôn ngữ của ta có tám định nghĩa về một loại từ để sắp xếp nó vào là chủng loại nào. Do khuôn khổ và nội dung của bài Nam quốc sơn hà không cho phép laiquangnam dài dòng, xin hẹn quý bạn trong một bài viết khác.

III-Phần ghi chú nhanh đọc để biết.

Trong thế kỷ trước, đa phần các nhà sư Việt nam xuất gia từ thuở bé, tu tập tại chùa nhỏ của Phật giáo Việt nam dưới thời Pháp thuộc và hay ngay cả thời Ngô Đình Diệm tại các địa phương xa kinh thành Huế, họ đã có lối học chữ Nho như thế (11) , nhất là trước năm 1935. Lối học chữ nho này phổ biến tại các chùa ở đồng bằng Nam bộ, trên các hải đảo, và có lẽ cả giới tu sĩ Cao đài nữa. Học hành không tới nơi nên du nhập " thượng vàng hạ cám " là nhiệm vụ văn hóa Việt tộc thậm chí có chùa còn đem Quan Vũ , phong cho thành Bồ tát, là thần Hộ pháp cho PGVN. Lớ trẻ nếu không được cảnh giác sẽ mất định hướng về văn hóa Lạc Việt. Ngày nào mà dân trí ta còn thấp thì ngày ấy càng bị Hán hóa nặng nề trong tư tưởng và trong cách sống. Dễ thấy nhất là lớp người sinh thập niên 1930 biết chút chữ Hán cũng a dua truyền bá không công cho văn hóa Tàu, lấy điển Tàu, phong tục của người Tàu rồi gán cho "khuôn phép của tiền nhân ". Bó tay !

Thiên trời, địa đất, vân mây,
Vũ mưa, phong gió, trú ngày, dạ đêm,
Tinh sao, lộ móc, tường diêm,
Hưu lành, khánh phúc, tăng thêm, đa nhiều...

Tam Thiên tự: "ba nghìn chữ". Chữ và nghĩa kế tiếp nhau thành từng đoạn theo lối về bốn chữ, gieo vần theo thi pháp lục bát chính quy, nghĩa là chữ cuối câu trên ăn vần với chữ thứ ba đếm lùi của câu kế tiếp không cần nghĩa lý. miễn sao dễ thuộc là được, ví dụ :

thiên: trời. địa: đất.

cử : cát. tôn: còn.

tử : con. tôn: cháu.

lục: sáu. tam: ba

gia: nhà quốc : nước (Tamthientu)

Thế nên ngày nay chúng ta có những từ song lập, với đặc điểm là chữ sau giải nghĩa chữ trước. Ví dụ trong ngôn ngữ của ta có các cặp từ thượng lên, hạ xuống, hay khi nói "đường quốc lộ" "sông Nhị hà" vẫn không nghe chướng. Nhiều người ra vẻ ta đây bày đặt chỉnh sửa người nói sai, phê phán người nói đã dùng dư từ, theo họ nên nói "quốc lộ", "Nhị hà". Theo ngu ý laiquangnam đó là sự phê phán không cần thiết. Nổ! là bệnh của anh cái cần biết thì không biết, cái cần nói thì không chịu nói, cái cần bỏ qua thì gay gắt,

ta đây. Cách học chữ nho của ông bà ngày ấy, cũng có nhiều cái hạn chế, chữa lửa , ví dụ ngay từ chữ bắt đầu học, "chữ thiên" trong tam thiên tự cho ta thấy gì ? "Thiên", tiếng Tàu của người Tàu có ít nhất là 26 chữ trùng âm, , người Tàu viết 26 chữ khác nhau để phân biệt ngữ nghĩa. Âm Hán Việt đều đọc là thiên. Chữ địa của người Tàu dùng có thể ít nhất trong bảy ngữ nghĩa khác nhau. Khi sang tiếng Việt còn đôi ba nghĩa, địa là đất, địa là vị trí chỗ ngồi, là thứ bậc trong xã hội, vidu địa vị. Từ từ HánViệt, Địa là đất sang từ ViệtHán (như là vở bọc) như thuật ngữ Địa Lý Học (geography). Trong khi tiếng thuần Việt, "Địa" còn là là động từ chỉ chôn, chĩa. Địa trong từ song lập thổĐịa chỉ người là rành về một địa bàn. Thế nên trong tiếng Việt ta từ song lập khóa lại ngữ nghĩa các từ đơn. Các dấu hỏi, ngã, các chữ cuối t, c, ch, n, ng (ví dụ +an, +ang) mà người Nam Trung bộ, hay Nam bộ đọc như nhau, nhưng nhờ mặt chữ thể hiện mà người Việt nhận biết ngữ nghĩa của nó. Lối học vỡ lòng làm quen chữ quốc ngữ của thế hệ chúng tôi, ngày ấy các Thầy chúng tôi đều dạy như vậy. Dạy ngữ nghĩa dưới hình thức chính tả, Khi đã đọc thuộc lòng, đã quen mặt chữ thì người đọc đã đọc ngay tổng thể có ai cần đánh vần đâu. .

Laiquangnam cuối thu 2010